

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 435/2026/QĐST - HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 238/2026/TLHNGĐ – ST ngày 29/01/2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của những người tham gia tố tụng, yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

- Bà Phạm Ly T, sinh ngày 20/02/1988

Căn cước công dân số 034188018411, cấp ngày 07/12/2022

Địa chỉ: Tiền Hải, Thái Bình

Tạm trú: Gò Vấp, TPHCM

- Ông Vũ Văn L, sinh ngày 02/11/1988

Căn cước công dân số 034088001247, cấp ngày 28/01/2023

Địa chỉ: Tiền Hải, Thái Bình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Phạm Ly T và ông Vũ Văn L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 06/2015, đăng ký ngày 12/3/2015, do Ủy ban nhân dân xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 15/01/2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/3/2026, bà Phạm Ly T và ông Vũ Văn L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Bà Phạm Ly T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và ông Vũ Văn L cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng; Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Phạm Ly T và ông Vũ Văn L thật sự tự nguyện ly hôn, các đương sự thống nhất cách giải quyết toàn bộ vụ việc theo nội dung như nêu trên.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Ly T và ông Vũ Văn L thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyền số 06/2015, đăng ký ngày 12/3/2015, do Ủy ban nhân dân xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cấp không còn hiệu lực.

- Về con chung: Bà Phạm Ly T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Vũ Phạm Tùng L sinh ngày 11/3/2016 và Vũ Phạm Tùng S sinh ngày 20/5/2022 cho đến khi trưởng thành.

Ông Vũ Văn L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng một tháng) cho đến khi các con trưởng thành. Các bên tự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/3/2026. Trường hợp ông Vũ Văn L không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà Phạm Ly T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thực hiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Cán trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Phạm Ly T và ông Vũ Văn L đã nộp theo biên lai thu số 0009227 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tứ Nhị

